

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C Đ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07/5/2020

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C Đ, TỈNH LONG AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Hữu Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Quang

2. Ông Nguyễn Thành

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương – Thư ký TAND huyện C .

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở TAND huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 540/2019/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị N**, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Ấp Bà Chủ, xã T L, huyện C , tỉnh Long An (Có mặt).

Bị đơn: Anh **Nguyễn Nhất T**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp 7, xã M, huyện C , tỉnh Long An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/12/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày như sau: Chị N và anh T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 99/2012; quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện C , tỉnh Long An cấp ngày 22/11/2012. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn tình cảm dẫn đến ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nguyên nhân theo chị N trình bày: do anh T không chăm lo làm ăn, thiếu quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau, chị N có khuyên anh T nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi.

Hiện nay, chị N xét thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh T, nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Nhất T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Lê Bảo Nguyên, sinh ngày 25/12/2014 hiện đang sống với chị N. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung .

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Nhất T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố khác cho anh T biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy

định của pháp luật, nhưng không có ý kiến gì và vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Chị Lê Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Nhất T có nơi cư trú tại: Ấp 7, xã M, huyện C, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện C, tỉnh Long An được pháp luật quy định tại các Điều 28, 35, 36 và 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Anh Nguyễn Nhất T đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định xét xử vụ án và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung tranh chấp: Chị N và anh T chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn tình cảm vợ chồng và ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, về nguyên nhân mâu thuẫn theo như chị N trình bày do vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, bất đồng quan điểm sống nên hay cãi vã, anh T không lo làm ăn để phụ giúp kinh tế gia đình, đây là những mâu thuẫn nhỏ trong đời sống vợ chồng. Cả chị N và anh T không tìm được biện pháp để khắc phục dẫn đến hai anh chị ly thân một thời gian dài. Xét thấy anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vẫn không đến tham gia phiên hòa giải cũng như phiên tòa từ đó cho thấy anh T cũng không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm với chị N để vợ chồng quay về tiếp tục chung sống nên áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Nhất T.

[3] Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Giữa chị N và anh T có 01 người con chung tên Nguyễn Lê Bảo Nguyên, sinh ngày 25/12/2014 hiện đang sống với chị N. Xét thấy hiện tại cháu Nguyên đang sống với chị N đã ổn định, chị N có nguyện vọng tiếp tục được nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N về việc yêu cầu nuôi cháu Nguyên. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thăm nom chăm sóc con được thực hiện theo điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*, nhưng chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình để sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39, 147 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn chị Lê Thị N đối với anh Nguyễn Nhất T.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Nhất T.

2. Về nuôi con chung: Chị Lê Thị N được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Lê Bảo Nguyên, sinh ngày 25/12/2014. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Lê Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001943 ngày 29/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C do chị N đã nộp sang án phí sung công quỹ Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Toà án niêm yết hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện C ;
- UBND xã M;
- Chi cục THADS huyện C ;
- Đương sự;
- Lưu./.

Huỳnh Hữu Nghĩa